

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2020/DS-ST
Ngày: 30-9-2020
V/v Yêu cầu bồi thường thiệt hại
hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Xuân Đạm
2. Bà Nguyễn Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành là thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 30 tháng 09 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 224/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2019 về “*Yêu cầu bồi thường thiệt hại hợp đồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 10/2020/QĐST - DS ngày 23 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Viết D (vắng mặt)
Bà Trần Thị Thu H (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn L - trú tại 236, đường L, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước - là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 21/8/2019), (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức P (vắng mặt)
Bà Nguyễn Thị Ngọc H (có mặt)

Địa chỉ: Số 90, đường L, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện hợp pháp của ông P: Bà Nguyễn Thị Ngọc H - là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 08/01/2020), (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Tú P (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước

2. Anh Nguyễn Chí C (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền là ông Huỳnh Văn L trình bày:

Ngày 13/7/2015 vợ chồng ông Nguyễn Viết D, bà Trần Thị Thu H nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Đức P, bà Nguyễn Thị Ngọc H toàn bộ thửa đất có diện tích 4.892,9m² cùng tài sản gắn liền với đất đã được UBND huyện Lộc Ninh cấp giấy CNQSDĐ số H02727 ngày 23/6/2009 cho ông P, bà H. Giá chuyển nhượng là 400.000.000đ. Ông D, bà H đã trả cho ông P bà H 50.000.000đ, thỏa thuận sau khi làm xong sổ đất sang tên cho ông D, bà H và bên ông D tiếp nhận đất sẽ trả đủ số tiền còn lại.

Ngày 10/8/2015 ông D, bà H được cấp giấy CNQSDĐ số CH01962 ngày 10/8/2015. Do giấy CNQSDĐ ghi sai địa chỉ thửa đất nên ông D, bà H làm thủ tục điều chỉnh và được cấp lại giấy CNQSDĐ số CH01984 ngày 01/9/2015. Tuy nhiên khi ông D đến nhận đất thì bị chị bà H ngăn cản, nên chưa giao nhận đất cho nhau.

Sau đó, do anh Nguyễn Chí C khởi kiện tranh chấp thửa đất trên với vợ chồng ông P, đồng thời có yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng ngày 13/7/2015 giữa vợ chồng ông P và vợ chồng ông D, yêu cầu hủy giấy CNQSDĐ cấp cho vợ chồng ông D đối với thửa đất trên. Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh thụ lý và tại bản án sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 23/3/2018 của Tòa án Lộc Ninh đã chấp nhận yêu cầu của anh C, tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng ngày 13/7/2015 và hủy giấy CNQSDĐ số CH01962 cấp cho vợ chồng ông D. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu được tách ra giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu. Sau đó bà H có tự đến gặp vợ chồng ông D để thỏa thuận việc bồi thường thiệt hại nhưng vợ chồng ông D không đồng ý, bà H tự ý để lại số tiền 70.000.000đ tại nhà ông D nên vợ ông D phải giữ số tiền trên.

Do đó, nay ông D, bà H khởi kiện yêu cầu ông P, bà H bồi thường thiệt hại do hợp đồng chuyển nhượng bị hủy theo bản án số 05 trên, bồi thường theo tỷ lệ 1/6 giá trị thửa đất theo giá thị trường thực tế hiện nay, tạm tính là 334.000.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H đồng thời là đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn là ông Nguyễn Đức P trình bày:

Bà H thống nhất ngày 13/7/2015 vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Nguyễn Đức P có chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Viết D, bà Trần Thị

Thu H toàn bộ thửa đất có diện tích 4.892,9m² cùng tài sản gắn liền với đất đã được UBND huyện Lộc Ninh cấp giấy CNQSDĐ số H02727 ngày 23/6/2009 cho ông P, bà H. Giá chuyển nhượng là 400.000.000đ. Ông D, bà H đã trả cho ông P bà H 50.000.000đ. Thỏa thuận làm sổ xong cho đến qua tết thì ông D, bà H sẽ trả hết số tiền còn lại chứ không phải khi giao đất. Vì khi chuyển nhượng ông D, bà H đã biết đất trên có tranh chấp với bên anh Nguyễn Chí C nhưng ông D, bà H vẫn đồng ý mua và nói sẽ làm sổ được. Sau đó do anh C khởi kiện và Tòa án đã tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng giữa các bên nên vợ chồng bà H và bên ông D đã thỏa thuận với nhau vợ chồng bà H, ông P sẽ trả lại cho vợ chồng ông D số tiền 50.000.000đ đã nhận và 20.000.000đ là tiền bồi thường thiệt hại. Số tiền trên bà H cũng đã giao cho vợ chồng ông D, Nay bà H và ông P không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bên ông D, bà H.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/02/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Chí C trình bày:

Từ năm 2008 anh C đã quản lý ½ thửa đất mà ông Nguyễn Đức P. bà Nguyễn Thị Ngọc H chuyển nhượng cho ông Nguyễn Viết D, bà Trần Thị Thu H. ½ thửa đất còn lại do vợ chồng ông P, bà H quản lý. Vào năm 2015 khi thấy ông D đi xem đất thì anh C đã nói cho ông D biết ½ thửa đất trên là của anh C nhưng ông D vẫn mua. Hiện ½ thửa đất vẫn do anh C quản lý, sử dụng. Đến năm 2018 anh C có chuyển nhượng lại một phần thửa đất của anh cho bà Trần Thị Tú P. Nay đối với tranh chấp giữa vợ chồng ông P với vợ chồng ông D anh C không có ý kiến, yêu cầu gì và xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/02/2020,, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Tú P trình bày:

Năm 2018 bà P có nhận chuyển nhượng của anh Nguyễn Chí C diện tích đất chiều ngang 12m thuộc phần đất mà ông Nguyễn Đức P, bà Nguyễn Thị Ngọc H chuyển nhượng cho ông Nguyễn Viết D, bà Trần Thị Thu H đang tranh chấp bồi thường thiệt hại hiện nay. Nay đối với tranh chấp giữa vợ chồng ông P với vợ chồng ông D bà P không có ý kiến, yêu cầu gì và xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn và đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Huỳnh Văn L vắng mặt. Tại phiên tòa ngày 23/9/2020 ông L yêu cầu định giá lại tài sản theo giá thị trường nên HĐXX quyết định tạm ngưng phiên tòa để tiến hành định giá. Tuy nhiên sau đó các đương sự đã thống nhất với nhau về giá trị tài sản chuyển nhượng theo giá thị trường tại thời điểm hiện nay là 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng). Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu

bồi thường thiệt hại với số tiền 1/6 giá trị thửa đất theo giá thực tế hiện nay, tạm tính là 334.000.000đ. Như vậy, số tiền nguyên đơn yêu cầu bồi thường được xác định theo yêu cầu khởi kiện là 334.000.000đ

- Đối với bị đơn: Tại phiên tòa bà H vẫn giữ nguyên ý kiến, bà và ông P không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông D. Vợ chồng bà H chỉ đồng ý bồi thường theo quy định nếu bên ông D có thiệt hại và đề nghị HĐXX xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên có vi phạm về thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại điều 203 BLTTDS

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội Đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Đức P, bà Nguyễn Thị Ngọc H bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Việt D, bà Trần Thị Thu H số tiền 100.000.000đ.

Về án phí: Đương sự chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Nguyễn Việt D, bà Trần Thị Thu H khởi kiện đối với ông Nguyễn Đức P, bà Nguyễn Thị Ngọc H về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị hủy nên xác định quan hệ pháp luật là “yêu cầu bồi thường thiệt hại hợp đồng” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét bị đơn cư trú tại thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn là ông D, bà H và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Huỳnh Văn L vắng mặt tại phiên tòa, nhưng ông L đã có đơn xin vắng mặt. Bị đơn ông P vắng mặt nhưng đã có người đại diện tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ

vào khoản 1, 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thời hiện khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên được giao kết từ ngày 13/7/2015, nhưng đến năm 2018, tại bản án sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 23/3/2018 của Tòa án Lộc Ninh tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng giữa các bên, về hậu quả của hợp đồng vô hiệu được tách ra giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu. Vụ án có kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo rút đơn kháng cáo nên TAND tỉnh Bình Phước đã ban hành Quyết định số 19/2018/DS-PT ngày 17/10/2018 đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự, bản án sơ thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/10/2018. Như vậy, ngày 22/8/2019 ông D, bà H có đơn khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại do hợp đồng bị hủy là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự 2015

[3]. Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện của ông D, bà H yêu cầu ông P, bà H bồi thường thiệt hại do hợp đồng chuyển nhượng bị hủy theo tỷ lệ 1/6 giá trị thửa đất thực tế hiện nay với số tiền 334.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự thống nhất ngày 13/7/2015 vợ chồng ông D, bà H nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông P, bà H toàn bộ thửa đất có diện tích 4.892,9m² đã được UBND huyện Lộc Ninh cấp giấy CNQSDĐ số H02727 ngày 23/6/2009 cho ông P, bà H. Đất tọa lạc tại kp Ninh Thành, TT Lộc Ninh. Ngày 10/8/2015 ông D, bà H được cấp giấy CNQSDĐ số CH01962 ngày 10/8/2015. Sau đó được cấp đổi thành giấy CNQSDĐ số CH01984 ngày 01/9/2015. Do anh Nguyễn Chí C khởi kiện tranh chấp thửa đất trên với vợ chồng ông P, đồng thời có yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng ngày 13/7/2015 giữa vợ chồng ông P và vợ chồng ông D, yêu cầu hủy giấy CNQSDĐ cấp cho vợ chồng ông D đối với thửa đất trên. Tại bản án sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 23/3/2018 của Tòa án Lộc Ninh đã chấp nhận yêu cầu của anh C, tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng ngày 13/7/2015 và hủy giấy CNQSDĐ số CH01962 cấp cho vợ chồng ông D. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu được tách ra giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu.

Các đương sự cũng thống nhất giá trị chuyển nhượng toàn bộ thửa đất trên là 400.000.000đ, ông D, bà H đã giao cho ông P, bà H 50.000.000đ. Và sau khi có bản án sơ thẩm thì bà H có đến nhà ông D và để lại 70.000.000đ.

Theo nguyên đơn thì số tiền 70.000.000đ trên bà H tự ý đến và để lại chứ vợ chồng ông D không đồng ý nhận, vợ chồng ông D yêu cầu bà H bồi thường 1/6 giá trị đất hiện nay là 334.000.000đ. Bà H thì cho rằng lý do bà đưa số tiền trên cho vợ chồng ông D vì sau khi hợp đồng bị tuyên hủy thì khoảng tháng 10/2018 ông D có đến nhà bà H, vợ chồng bà đề nghị ông D tiếp tục lấy đất thì trả tiếp cho vợ chồng bà 350.000.000đ nhưng ông D nói vợ chồng bà H lấy đất lại và trả cho ông D 50.000.000đ đã nhận và 11.000.000đ tiền làm sổ, vợ chồng bà H đồng ý trả luôn 20.000.000đ, tổng cộng là 70.000.000đ. Sau đó bà H đã đến nhà giao cho ông D số tiền 70.000.000đ. Theo bà H giữa vợ chồng bà và vợ chồng ông D đã thống nhất

việc bồi thường thiệt hại và đã trả cho vợ chồng ông D 70.000.000đ nên nay bà và ông P không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 13/7/2015 giữa các bên đã bị tuyên vô hiệu theo bản án số 05 ngày 23/3/2018 của TAND huyện Lộc Ninh. Bản án đã có hiệu lực thi hành. Về hậu quả của hợp đồng được tách ra giải quyết thành vụ án khác. Như vậy, do hợp đồng vô hiệu, nên hậu quả của hợp đồng vô hiệu sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 410, 137 Bộ luật dân sự năm 2005, Căn cứ quy định tại Điều 137 của BLDS 2005 thì "...2. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền, trừ trường hợp tài sản giao dịch, hoa lợi, lợi tức thu được bị tịch thu theo quy định của pháp luật. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường."

Về tài sản chuyển nhượng các bên thống nhất vợ chồng ông D chưa nhận đất, không làm thay đổi hiện trạng tài sản. Hiện đất vẫn do ông P, bà H đang quản lý, nên không đặt ra vấn đề khôi phục tình trạng ban đầu và trả lại đất.

Về số tiền chuyển nhượng 50.000.000đ các bên thống nhất hiện do ông D, bà H giữ nên ông P, bà H không phải trả lại số tiền chuyển nhượng đã nhận.

Về yêu cầu thường thiệt hại, căn cứ quy định tại Điều 137 BLDS thì bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường, xét tại thời điểm chuyển nhượng đã có sự việc tranh chấp đối với thửa đất trên và ông P, bà H chỉ quản lý 1/2 thửa đất tại thời điểm trên cho đến nay. Bà H cho rằng khi thỏa thuận chuyển nhượng đã nói rõ cho ông D biết việc đất trên có tranh chấp 1/2 thửa đất, mặc dù ông D không thừa nhận việc biết đất có tranh chấp tại thời điểm chuyển nhượng nhưng ông D cũng không tìm hiểu tại địa phương về tình trạng đất, tại biên bản đối chất ngày 12/02/2020 đại diện của nguyên đơn cũng thừa nhận trước khi chuyển nhượng có đi xem đất nhưng do chủ quan nên nghĩ là đất trên do ông P, bà H quản lý mà không hỏi thực tế đất do ai quản lý. Như vậy, cả vợ chồng ông D và vợ chồng bà H đều có lỗi nhưng vợ chồng bà H có lỗi nhiều hơn trong việc dẫn đến hợp đồng vô hiệu.

Về mức thiệt hại các bên thống nhất khi giao kết hợp đồng không thỏa thuận về vấn đề phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại. Về thiệt hại thực tế xảy ra thì ông D, bà H cũng không chứng minh được có thiệt hại thực tế, do đó căn cứ quy định tại điểm c tiểu mục 2.3 mục 2 phần II Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004, điểm a và b tiểu mục 2.4 mục 2 phần I Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 thì thiệt hại được xác định là khoản tiền chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất do các bên thỏa thuận với giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm xét xử sơ thẩm và khoản tiền chênh lệch được tính theo tỷ lệ số tiền bên nhận chuyển nhượng đã trả.

Giá chuyển nhượng là 400.000.000đ, vợ chồng ông D đã trả 50.000.000đ tương ứng với tỷ lệ 1/8 giá chuyển nhượng. Tại phiên tòa các bên thống nhất giá trị tài sản hiện nay tính theo giá thị trường là 2.000.000.000đ, như vậy khoản tiền chênh lệch là 1.600.000.000đ. như vậy, thiệt hại được xác định là $1/8 \times 1.600.000.000đ = 200.000.000đ$. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông D, bà H là có căn cứ, tuy nhiên xét 02 bên đều có lỗi nhưng mức độ lỗi của vợ chồng bà H là

nhiều hơn do đó cần buộc ông P, bà H bồi thường cho ông D, bà H 60% thiệt hại tương ứng với số tiền 120.000.000đ được khấu trừ vào số tiền 20.000.000đ bà H đã giao cho vợ chồng ông D. Sau khi khấu trừ ông P, bà H phải bồi thường thêm cho ông D, bà H 100.000.000đ

[4] Về chi phí tố tụng gồm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.500.000đ, chi phí định giá tài sản là 2.000.000đ, tổng là 3.500.000đ. Theo quy định tại Điều 157, 165 BLTTDS, điểm c.3 tiểu mục 2.3 mục 2 phần II Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 thì trách nhiệm chịu chi phí cho việc định giá do các đương sự phải chịu chi phí tương ứng với phần nghĩa vụ của họ. Do đó nguyên đơn phải chịu 1.400.000đ và bị đơn phải chịu 2.100.000đ chi phí tố tụng. Số tiền trên ông D, bà H đã nộp nên ông P, bà H phải liên đới trả cho ông D, bà H 2.100.000đ.

[5]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì “Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận”. Số tiền nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận là 120.000.000đ, không được chấp nhận là 214.000.000đ nên ông D, bà H phải liên đới chịu 10.700.000đ án phí DSST, ông P, bà H phải liên đới chịu 6.000.000đ án phí DSST

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 1, 2 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các điều 122, 127, 137, 388, 410 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Các điều 429, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 và Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Viết D, bà Trần Thị Thu H

Buộc ông Nguyễn Đức P, bà Nguyễn Thị Ngọc H liên đới chịu trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Viết D, bà Trần Thị Thu H số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*)

Không chấp nhận đối với yêu cầu bồi thường số tiền 214.000.000đ (hai trăm mười bốn triệu đồng) còn lại

2. Về án phí: Ông Nguyễn Viết D, bà Trần Thị Thu H phải liên đới chịu 10.700.000đ (mười triệu bảy trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 8.350.000đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0000688 ngày 18/12/2019. Sau khi khấu trừ ông D, bà H phải liên đới nộp thêm 2.350.000đ (hai triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng)

Buộc ông Nguyễn Đức P, bà Nguyễn Thị Ngọc H liên đới chịu trách nhiệm nộp 6.000.000đ (sáu triệu đồng) án phí DSST

3. Về chi phí tố tụng khác: Buộc ông Nguyễn Đức P, bà Nguyễn Thị Ngọc H liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Viết D, bà Trần Thị Thu H 2.100.000đ (hai triệu một trăm ngàn đồng).

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Khánh Duyên